

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số/QĐ-SIU ngày ... tháng ... năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn)

Tên chương trình đào tạo:	Cử nhân Kế toán
Trình độ đào tạo:	Đại học
Loại hình đào tạo:	Chính quy
Ngành đào tạo:	Kế toán
Mã số:	7340301
Chuyên ngành đào tạo:	Kế toán Doanh nghiệp Kế toán Kiểm toán

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Programme Objectives - POs)

1.1. Mục tiêu chung

Cử nhân chuyên ngành Kế toán tại Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn có phẩm chất đạo đức, có sức khỏe tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có ý thức tuân thủ các quy định đặc thù của nghề nghiệp; có kiến thức toàn diện về kế toán - kiểm toán, hiểu biết về kế toán quốc tế và kế toán quốc gia; có kiến thức cơ bản và hiện đại về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, kinh doanh và quản lý; có kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng công nghệ thông tin theo kịp với sự phát triển của khoa học công nghệ; có kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng mềm, khả năng tư duy sáng tạo, tác phong làm việc chuyên nghiệp, thích ứng nhanh với môi trường làm việc trong và ngoài nước; hoàn thành tốt nhiệm vụ kế toán trong mọi loại hình doanh nghiệp và các đơn vị sự nghiệp; có năng lực tự nghiên cứu phát triển kiến thức mới, và có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc học cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo ngành kế toán của Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn hướng đến đào tạo cử nhân kế toán có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu lao động trong và ngoài

nước.

- **PO1:** Có kiến thức về chính trị, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất và kiến thức toàn diện về kế toán – kiểm toán, hiểu biết về kế toán quốc tế và kế toán quốc gia, kết hợp với kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, kinh doanh và quản lý hiện đại, để thực hiện hiệu quả công việc kế toán và có thể nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán.
- **PO2:** Có kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá cơ sở dữ liệu và thông tin kế toán; có kỹ năng mềm, kỹ năng công nghệ thông tin, theo kịp với sự phát triển của khoa học công nghệ và có khả năng thiết kế hệ thống kế toán trong các môi trường khác nhau của đơn vị kế toán và thành thạo ngoại ngữ.
- **PO3:** Có khả năng tư duy năng lực tự học, tự nghiên cứu để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học ở trình độ cao hơn.
- **PO4:** Có bản lĩnh, nhiệt tình, đam mê với nghề, có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, phong cách làm việc chuyên nghiệp, thích ứng nhanh với môi trường làm việc trong và ngoài nước, có ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ các quy định đặc thù của nghề nghiệp.

2. Chuẩn đầu ra (Program Learning Outcomes - PLOs)

Nhóm các PLOs	Ký hiệu	Nội dung
Kiến thức	PLO1	Trình bày được những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất, kinh doanh quản lý hiện đại và các kiến thức nguyên lý cơ bản về Kế toán – Kiểm toán để có thể nghiên cứu chuyên sâu và phát triển kiến thức mới trong lĩnh vực kế toán.
	PLO2	Vận dụng được kiến thức chuyên ngành, tích hợp kỹ năng công nghệ thông tin để thực hiện hiệu quả công việc và cung cấp thông tin Kế toán – Kiểm toán trong môi trường số.
	PLO3	Phân tích thông tin dựa trên những kiến thức cơ bản về kế toán Việt Nam và kế toán quốc tế để giải quyết những vấn đề phức tạp và đề xuất các giải pháp khả thi trong lĩnh vực kế toán.

Nhóm các PLOs	Ký hiệu	Nội dung
	PLO4	Vận dụng các nguyên lý cơ bản kết hợp với khả năng tư duy để phát triển kiến thức mới trong lĩnh vực kế toán để có thể tiếp tục học ở bậc học cao hơn.
Kỹ năng	PLO5	Vận dụng được các kiến thức về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật và các kiến thức cơ bản về Kế toán – Kiểm toán để đánh giá, phản biện các vấn đề chuyên môn nghiệp vụ. Tích hợp kỹ năng công nghệ thông tin để thực hiện hiệu quả công việc và cung cấp thông tin Kế toán – Kiểm toán trong môi trường số.
	PLO6	Sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên dụng trong kế toán để thiết kế hệ thống kế toán trong các loại hình doanh nghiệp khác nhau của đơn vị kế toán.
	PLO7	Sử dụng thành thạo tiếng Anh giao tiếp và tiếng Anh chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán để nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán.
	PLO8	Thực hiện thành thạo kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng nghiên cứu khoa học để phân tích, tổng hợp, đánh giá các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Kế toán – Kiểm toán.
Mức tự chủ và chịu trách nhiệm	PLO9	Có bản lĩnh, nhiệt tình, sẵn sàng đương đầu với mọi thách thức, đưa ra được kết luận chuyên môn trong lĩnh vực Kế toán – Kiểm toán và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
	PLO10	Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả, có trách nhiệm nghề nghiệp, trách nhiệm cộng đồng ý thức tổ chức kỷ luật.
	PLO11	Có tinh thần cầu tiến tự học hỏi nghiên cứu, phát triển kiến thức mới và thích ứng nhanh với sự thay đổi của khoa học công nghệ, các yêu cầu đổi mới trong lĩnh vực Kế toán – Kiểm toán.

3. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của chuẩn đầu ra CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo										
	Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm		
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
PO1	X	X	X	X	X			X	X		
PO2					X	X	X	X			
PO3											X
PO4									X	X	X

4. Vị trí việc làm

Sau khi tốt nghiệp ngành Kế toán, cử nhân kế toán có thể đảm nhiệm các vị trí sau:

- Kế toán trưởng, kế toán tổng hợp, kế toán thanh toán, kế toán công nợ, kế toán vật tư, kế toán quỹ, ... tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế (Doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp thương mại, doanh nghiệp dịch vụ).
- Kế toán tại các ngân hàng, các tổ chức tín dụng trong nền kinh tế.
- Kế toán các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức xã hội, tổ chức Chính phủ và phi Chính phủ.
- Tự tạo lập công ty tư vấn dịch vụ kế toán và báo cáo thuế.
- Cán bộ nghiên cứu, giảng viên giảng dạy về kế toán, kiểm toán tại các cơ sở giáo dục, Viện, Trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực kế toán - kiểm toán.

5. Thời gian đào tạo: 4 năm

6. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 127 tín chỉ

7. Tiêu chí tuyển sinh

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn.

7.1. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), theo tiêu chuẩn tuyển sinh của Bộ Giáo dục Đào tạo và tiêu chí tuyển sinh của Đại học Quốc tế Sài Gòn.

7.2. Hình thức tuyển sinh: Cập nhật hằng năm theo Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn. Đồng thời căn cứ theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường.

8. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

8.1. Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế học vụ hiện hành của Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn.

8.2. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế học vụ hiện hành của Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn.

9. Phương thức đánh giá

Thực hiện theo Quy chế học vụ hiện hành của Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn.

10. Nội dung chương trình đào tạo

10.1. Các khối kiến thức

Khối kiến thức	Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1. Kiến thức đại cương	50	39,37%
1.1. Lý luận chính trị	11	8,66%
1.2. Khoa học	17	13,39%
1.3. Ngoại ngữ	13	10,24%
1.4. Tin học	6	4,72%
1.5. Văn hoá	3	2,36%
2. Kiến thức chuyên ngành	67	52,76%
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	52	40,94%
2.2. Kiến thức chuyên ngành	15	11,81%
3. Thực tập và khoá luận tốt nghiệp	10	7,87%
Tổng cộng	127	100%

10.2. Nội dung chi tiết

STT	Mã HP	Tên môn học		Số TC	Phân bổ số tiết					Mã HP tiên quyết
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Tổng	LT	TH /TN	ĐA	TT	
I. KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG				50						
I.1. Lý luận chính trị				11						
I.1.01	2GEN0011	Triết học Mác - Lênin	Philosophy of Marxism and Leninism	3	45	45				
I.1.02	2GEN0012	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Political Economics of Marxism and Leninism	2	30	30				
I.1.03	2GEN0013	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	Scientific Socialism	2	30	30				
I.1.04	2GEN0007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Thought	2	30	30				
I.1.05	2GEN0014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of The Communist Party of Vietnam	2	30	30				
I.2. Khoa học				17						
I.2.01	2GEN0008	Pháp luật đại cương	General Laws	2	30	30				
I.2.02	2SOC11494	Toán cao cấp	Advanced Mathematics	3	45	45				
I.2.03	2BUS11416	Quản trị học	Fundamentals of Management	3	45	45				
I.2.04	2BUS11407	Kinh tế vi mô	Microeconomics	3	45	45				

STT	Mã HP	Tên môn học		Số TC	Phân bố số tiết					Mã HP tiên quyết
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Tổng	LT	TH /TN	ĐA	TT	
I.2.05	2BUS11408	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	3	45	45				
I.2.06	2BUS11403	Marketing căn bản	Introduction to Marketing	3	45	45				
I.3. Ngoại ngữ				13						
I.3.01	2LAN11453	English Proficiency 1	English Proficiency 1	4	90	30	60			
I.3.02	2LAN11454	English Proficiency 2	English Proficiency 2	4	90	30	60			
I.3.03	2LAN11455	English Proficiency 3	English Proficiency 3	5	90	60	30			
I.4. Tin học				6						
I.4.01	2GEN2096	Công cụ xử lý hình ảnh	Image Processing Tools	2	45	15	30			
I.4.02	2GEN2097	Công cụ quản lý dự án	Project Management Tools	2	45	15	30			
I.4.03	2GEN3098	Công cụ Phân tích & Trực quan dữ liệu	Data Analytics and Visualization Tools	2	45	15	30			
I.5. Văn hoá				3						
I.5.01	2ENG11491	Viết luận Anh*	English Composition	3						
II.KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH				67						
II.1. Kiến thức cơ sở ngành				52						
Bắt buộc				46						
II.1.01	2BAS3301	Lý thuyết tài chính tiền tệ	Monetary and Financial Theories	3	45	45				
II.1.02	2ACC1301	Nguyên lý kế toán	Principles of Accounting	3	45	45				
II.1.03	2ACC23021	Kế toán tài chính 1	Financial Accounting 1	3	45	45				2ACC1301
II.1.04	2ACC33031	Kiểm toán 1	Auditing 1	3	45	45				2ACC23021
II.1.05	2ACC33041	Kế toán tài chính 2	Financial Accounting 2	3	45	45				2ACC23021
II.1.06	2ACC3305	Báo cáo thuế	Tax Reporting	3	60	30	30			2ACC1301
II.1.07	2ACC43061	Kế toán quản trị 1*	Managerial Accounting 1	3	45	45				2ACC1301
II.1.08	2ACC43071	Kế toán tài chính 3	Financial Accounting 3	3	45	45				2ACC33041
II.1.09	2ACC52131	Kế toán quốc tế 1*	International Accounting 1	2	30	30				2ACC1301
II.1.10	2ACC5216	Thực hành kế toán tài chính	Financial Accounting Practice	2	60		60			2ACC43071
II.1.11	2ACC53151	Kiểm toán 2	Auditing 2	3	45	45				2ACC33031
II.1.12	2ACC6316	Thực hành nghề nghiệp	Professional Practice	3	75	15	60			2ACC33041

STT	Mã HP	Tên môn học		Số TC	Phân bố số tiết					Mã HP tiên quyết
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Tổng	LT	TH /TN	ĐA	TT	
II.1.13	2ACC63171	Kế toán quốc tế 2*	International Accounting 2	3	45	45				2ACC52131
II.1.14	2ACC73201	Kế toán mô phỏng	Accounting Simulation	3	90		90			2ACC33041
II.1.15	2ACC7323	Hệ thống thông tin kế toán	Accounting Information System	3	60	30	30			2ACC43071
II.1.16	2ACC73241	Kế toán quản trị 2*	Managerial Accounting 2	3	45	45				2ACC43061
Tự chọn				6						
II.1.17	2BAS5303	Đạo đức trong kinh doanh	Business Ethics	3	45	45				
II.1.18	2BAS5304	Luật kinh doanh	Business Law	3	45	45				
II.1.19	2BUS14320	Luật thương mại quốc tế	International Trade Law	3	45	45				
II.1.20	2BUS13431	Thanh toán quốc tế	International Payment	3	45	45				
II.1.21	2BUS13408	Quản trị chiến lược	Strategic Management	3	45	45				
II.1.22	2BUS12474	Khởi nghiệp	Entrepreneurship	3	45	45				
II.1.23	2BAS6305	Thẩm định dự án đầu tư	Project Appraisal	3	45	45				
II.1.24	2BUS12405	Tài chính quốc tế	International Finance	3	45	45				
II.1.25	2ACC7326	Kế toán Anh*	British Accounting	3	45	45				2ACC52131
II.1.26	2ACC7327	Kế toán Úc*	Australian Accounting	3	45	45				2ACC52131
II.2. Kiến thức chuyên ngành				15						
II.2.1. Chuyên ngành Kế toán Doanh nghiệp										
Bắt buộc				9						
II.2.1.01	2ACC4308	Kế toán chi phí	Cost Accounting	3	60	30	30			2ACC33041
II.2.1.02	2ACC6318	Phân tích Báo cáo tài chính	Financial Statement Analysis	3	45	45				2ACC1301
II.2.1.03	2ACC7321	Kế toán Hành chính sự nghiệp	Public Sector Accounting	3	60	30	30			2ACC1301
Tự chọn				6						
II.2.1.04	2ACC43101	Kế toán Ngân hàng	Bank Accounting	3	45	45				2ACC33041
II.2.1.05	2ACC4311	Chuẩn mực kế toán & khuôn khổ pháp lý kế toán Việt Nam	Vietnamese Accounting Standards & Legal Framework	3	45	45				2ACC1301
II.2.1.06	2ACC4312	Kiểm soát nội bộ	Internal Control	3	45	45				2ACC33031
II.2.1.07	2ACC7325	Kế toán hoạt động xây lắp	Construction Accounting	3	45	45				2ACC33041

STT	Mã HP	Tên môn học		Số TC	Phân bố số tiết					Mã HP tiên quyết
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Tổng	LT	TH /TN	ĐA	TT	
II.2.2. Chuyên ngành Kế toán Kiểm toán										
Bắt buộc				9						
II.2.2.01	2ACC4312	Kiểm soát nội bộ	Internal Control	3	45	45				2ACC33031
II.2.2.02	2ACC6319	Kiểm toán Báo cáo tài chính	Financial Statement Auditing	3	60	30	30			2ACC53151
II.2.2.03	2ACC7322	Kiểm toán hoạt động	Operational Auditing	3	60	30	30			2ACC53151
Tự chọn				6						
II.2.2.04	2ACC4308	Kế toán chi phí	Cost Accounting	3	60	30	30			2ACC33041
II.2.2.05	2ACC43091	Kiểm toán Nhà nước	State Auditing	3	45	45				2ACC53151
II.2.2.06	2ACC7321	Kế toán Hành chính sự nghiệp	Public Sector Accounting	3	60	30	30			2ACC1301
II.3. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp				10						
II.3.01	2ACC8328	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	3	45				45	2ACC5216
II.3.02	2ACC8729	Khoá luận tốt nghiệp	Graduation Thesis	7	105			105		2ACC8328
III. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH, GIÁO DỤC THỂ CHẤT (theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)				16						
Bắt buộc, không tích lũy				16						
III.1	2GEN0001	Giáo dục quốc phòng – an ninh	Defense Education - Security Education	11	165	165				
III.2	2GEN0002	Giáo dục thể chất	Physical Education	5	150		150			2GEN1091

* Giảng dạy bằng tiếng Anh

10.3. Ma trận đáp ứng giữa các môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

(Mức độ áp ứng: 1: Không liên quan trực tiếp; 2: Liên quan một phần; 3: Liên quan; 4: Liên quan gần gũi; 5: Liên quan đặc biệt)

MÔN HỌC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo										
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11
I. KHÓI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG											
I.1. Lý luận chính trị											
I.1.01. Triết học Mác – Lênin	2				3				3	2	
I.1.02. Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2				3				3	2	
I.1.03. Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2				3				3	2	

I.1.04. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				3				3	2	
I.1.05. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				3				3	2	
I.2. Khoa học											
I.2.01. Pháp luật đại cương	2				3						
I.2.02. Toán cao cấp	2				3						
I.2.03. Quản trị học	2				2						
I.2.04. Kinh tế vi mô	2				3				3		
I.2.05. Kinh tế vĩ mô	2				2				3		
I.2.06. Marketing căn bản	2				3				3		
I.3. Ngoại ngữ											
I.3.01. English Proficiency 1								3			2
I.3.02. English Proficiency 2								3			2
I.3.03. English Proficiency 3								3			2
I.4. Tin học											
I.4.01. Công cụ xử lý hình ảnh		2				3		2			2
I.4.02. Công cụ quản lý dự án		2				3		2			2
I.4.03. Công cụ phân tích và trực quan dữ liệu		2				3		2			2
I.5. Văn hoá											
I.5.01. Viết luận Anh	2					2					2
II. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH											
II.1. Kiến thức cơ sở ngành											
Bắt buộc											
II.1.01. Lý thuyết tài chính tiền tệ	3				3				3		2
II.1.02. Nguyên lý kế toán	4	4	3		4			4	4	3	
II.1.03. Kế toán tài chính 1	5	5	4		5			4	4	4	
II.1.04. Kiểm toán 1	3		3		3			3	3	3	
II.1.05. Kế toán tài chính 2	5	5	5	4	5			4	4	4	4
II.1.06. Báo cáo thuế	5	5	3		5	4		4	5	3	
II.1.07. Kế toán quản trị 1	4	4	4	3	4		4	4	4	3	3
II.1.08. Kế toán tài chính 3	5	5	5	4	5	5		5	5	5	4
II.1.09. Kế toán quốc tế 1	4	4	4	3	4		4	4	4	3	3
II.1.10. Thực hành kế toán tài chính	5	5	5		5	5		5	5	5	
II.1.11. Kiểm toán 2	5	5	5	4	5	5		5	5	4	4
II.1.12. Thực hành nghề nghiệp	5	5	5	4	5	4		4	4	4	4
II.1.13. Kế toán quốc tế 2	5	5	5	4	5	4	5	4	5	4	4
II.1.14. Mô phỏng kế toán trên phần mềm	5	5	4	4	5	5		5	5	4	4
II.1.15. Hệ thống thông tin kế toán	5	5	4	4	5	5		5	5	4	4

II.1.16. Kế toán quản trị 2	5	5	5	4	5	4	5	4	5	4	4
Tự chọn											
II.1.17. Đạo đức trong kinh doanh	3				3				3	3	
II.1.18. Luật kinh doanh	3				3				3	3	
II.1.19. Luật thương mại quốc tế	3				3				3	3	
II.1.20. Thanh toán quốc tế	3				3				3	3	
II.1.21. Quản trị chiến lược	3				3				3	3	
II.1.22. Khởi nghiệp	3				3				3	3	
II.1.23. Thẩm định dự án đầu tư	3				3				3	3	
II.1.24. Tài chính quốc tế	3				3				3	3	
II.1.25. Kế toán Anh	5	5	4	3	4		5	4	4	3	3
II.1.26. Kế toán Úc	5	5	4	3	4		5	4	4	3	3
II.2. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH											
II.2.1. CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP											
Bắt buộc											
II.2.1.01. Kế toán chi phí	5	5	5	4	5	4		5	5	4	4
II.2.1.02. Phân tích Báo cáo tài chính	4	4	3		4	3		4	4	3	
II.2.1.03. Kế toán Hành chính sự nghiệp	5	5	5	4	5	4		5	5	4	4
Tự chọn											
II.2.1.04. Kế toán Ngân hàng	5	5	5	4	5	4		5	5	4	4
II.2.1.05. Chuẩn mực kế toán & khuôn khổ pháp lý kế toán Việt Nam	5	5	3		5			4	4	3	
II.2.1.06. Kiểm soát nội bộ	5	5	3		5			4	4	3	
II.2.1.07. Kế toán hoạt động xây lắp	5	5	5	4	5	4		5	5	4	4
II.2.2. CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN KIỂM TOÁN											
Bắt buộc											
II.2.2.01. Kiểm soát nội bộ	5	5	4		5			5	5	4	
II.2.2.02. Kiểm toán Báo cáo tài chính	5	5	4	3	4	4		4	5	4	3
II.2.2.03. Kiểm toán hoạt động	5	5	4	3	4	4		4	5	4	3
Tự chọn											
II.2.2.04. Kế toán chi phí	5	5	5	4	5	4		5	5	4	4
II.2.2.05. Kiểm toán Nhà nước	5	5	4	4	5	4		4	4	4	3
II.2.2.06. Kế toán Hành chính sự nghiệp	5	5	5	4	5	4		5	5	4	4
II.3. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp											
II.3.01. Thực tập tốt nghiệp	5	5	5	4	5	5		5	5	5	4
II.3.02. Khóa luận tốt nghiệp	5	5	5	5	5	5		5	5	5	5

III. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH, GIÁO DỤC THỂ CHẤT										
Bắt buộc, không tích lũy										
III.1. Giáo dục quốc phòng – an ninh	2				2				2	
III.2. Giáo dục thể chất	2				2				2	

10.4. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến chuyên ngành Kế toán Doanh nghiệp)

STT	Mã HP	Tên môn học	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Ghi chú
					LT	TH/TN	ĐA	TT	
Học kỳ 1									
1	2GEN0001	Giáo dục quốc phòng - an ninh (Defense Education - Security Education)	11	165	165				Không tích lũy
2	2SOC11494	Toán cao cấp (Advanced Mathematics)	3	45	45				BB
3	2BUS11407	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	3	45	45				BB
4	2BUS11403	Marketing căn bản (Introduction to Marketing)	3	45	45				BB
5	2BUS11416	Quản trị học (Fundamentals of Management)	3	45	45				BB
6	2ACC1301	Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)	3	45	45				BB
Tổng số tín chỉ tích lũy HK1			15						
Tổng số tín chỉ HK1			26						
Học kỳ 2									
1	2GEN0002	Giáo dục thể chất 1 (Physical Education 1)	1	30		30			Không tích lũy
2	2BUS11408	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	3	45	45				BB
3	2ACC23021	Kế toán tài chính 1 (Financial Accounting 1)	3	45	45				BB
4	2ACC3305	Báo cáo thuế (Tax Reporting)	3	60	30	30			BB
5		Chọn 1 trong các học phần sau	3						Học phần tự chọn 3 tín chỉ
5.1	2BAS5303	Đạo đức trong kinh doanh (Business Ethics)	3	45	45				
5.2	2BAS5304	Luật Kinh doanh (Business Law)	3	45	45				
5.3	2BUS13431	Thanh toán quốc tế (International Payment)	3	45	45				
Học kỳ hè Năm 1									
6	2GEN0011	Triết học Mác- Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism)	3	45	45				BB
7	2GEN0008	Pháp luật đại cương (General Laws)	2	30	30				BB
Tổng số tín chỉ tích lũy HK 2			17						
Tổng số tín chỉ HK 2			18						
Học kỳ 3									
1	2GEN2096	Công cụ xử lý hình ảnh (Image Processing Tools)	2	45	15	30			BB

STT	Mã HP	Tên môn học	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Ghi chú
					LT	TH/TN	ĐA	TT	
2	2BAS3301	Lý thuyết tài chính tiền tệ (Monetary and Financial Theories)	3	45	45				BB
3	2ACC33041	Kế toán tài chính 2 (Financial Accounting 2)	3	45	45				BB
4	2ACC52131	Kế toán quốc tế 1 (International Accounting 1)	2	30	30				BB
5	2ACC33031	Kiểm toán 1 (Auditing 1)	3	45	45				BB
6	2ACC6318	Phân tích Báo cáo tài chính (Financial Statement Analysis)	3	45	45				BB
7		Chọn 1 trong các học phần sau	3						Học phần tự chọn 3 tín chỉ
7.1	2BUS14320	Luật thương mại quốc tế (International Trade law)	3	45	45				
7.2	2BUS13408	Quản trị chiến lược (Strategic Management)	3	45	45				
7.3	2BUS12474	Khởi nghiệp (Entrepreneurship)	3	45	45				
7.4	2BAS6305	Thẩm định dự án đầu tư (Project Appraisal)	3	45	45				
7.5	2BUS12405	Tài chính quốc tế (International Finance)	3	45	45				
Tổng số tín chỉ tích lũy HK 3			19						
Học kỳ 4									
1	2GEN0002	Giáo dục thể chất 2 (Physical Education 2)	1	30		30			Không tích lũy
2	2LAN11453	English Proficiency 1	4	90	30	60			BB
3	2GEN2097	Công cụ quản lý dự án (Project Management Tools)	2	45	15	30			BB
4	2GEN3098	Công cụ phân tích và trực quan dữ liệu (Data Analytics and Visualization Tools)	2	45	15	30			BB
5	2ACC43071	Kế toán tài chính 3 (Financial Accounting 3)	3	45	45				BB
6	2ACC63171	Kế toán quốc tế 2 (International Accounting 2)	3	45	45				BB
7	2ACC73201	Kế toán mô phỏng (Accounting Simulation)	3	60	30	30			BB
8	2ACC6316	Thực hành nghề nghiệp (Professional Practice)	3	75	15	60			BB
9		Chọn 1 trong các học phần sau	3						Học phần tự chọn 3 tín chỉ
9.1	2ACC43101	Kế toán ngân hàng (Bank Accounting)	3	45	45				
9.2	2ACC4311	Chuẩn mực kế toán & khuôn khổ pháp lý kế toán Việt Nam (Vietnamese Accounting Standards & Legal Framework)	3	45	45				
9.3	2ACC4312	Kiểm soát nội bộ (Internal Control)	3	45	45				
Học kỳ hè Năm 2									
10	2GEN0012	Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Political Economics of Marxism -Leninism)	2	30	30				BB
11	2GEN0013	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific Socialism)	2	30	30				BB
Tổng số tín chỉ tích lũy HK 4			27						

STT	Mã HP	Tên môn học	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bố số tiết				Ghi chú
					LT	TH/TN	ĐA	TT	
Tổng số tín chỉ HK 4			28						
Học kỳ 5									
1	2GEN0002	Giáo dục thể chất 3 (Physical Education 3)	1	30		30		Không tích lũy	
2	2LAN11454	English Proficiency 2	4	90	30	60		BB	
3	2ENG11491	Viết luận Anh (English Composition)	3	45	45			BB	
4	2ACC5216	Thực hành kế toán tài chính (Financial Accounting Practice)	2	60		60		BB	
5	2ACC43061	Kế toán quản trị 1 (Managerial Accounting 1)	3	45	45			BB	
6	2ACC53151	Kiểm toán 2 (Auditing 2)	3	45	45			BB	
7	2ACC7323	Hệ thống thông tin kế toán (Accounting Information System)	3	60	30	30		BB	
8	2ACC4308	Kế toán chi phí (Cost Accounting)	3	45	45			BB	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK 5			21						
Tổng số tín chỉ HK 5			22						
Học kỳ 6									
1	2LAN11455	English Proficiency 3	5	90	60	30		BB	
2	2ACC7321	Kế toán hành chính sự nghiệp (Public Sector Accounting)	3	60	30	30		BB	
3	2ACC73241	Kế toán quản trị 2 (Managerial Accounting 2)	3	45	45			BB	
4		Chọn 1 trong các học phần sau	3					Học phần tự chọn 3 tín chỉ	
4.1	2ACC7325	Kế toán hoạt động xây lắp (Construction Accounting)	3	45	45				
4.2	2ACC7326	Kế toán Anh (British Accounting)	3	45	45				
4.3	2ACC7327	Kế toán Úc (Australian Accounting)	3	45	45				
Học kỳ hè Năm 3									
5	2GEN0007	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Thought)	2	30	30			BB	
6	2GEN0014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of The Communist Party of Vietnam)	2	30	30			BB	
7	2GEN0002	Giáo dục thể chất 4 (Physical Education 4)	1	30		30		Không tích lũy	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK 6			18						
Tổng số tín chỉ HK 6			19						
Học kỳ 7									
1	2ACC8328	Thực tập (Graduation Internship)	3	45			45	BB	
3	2ACC8729	Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Thesis)	7	105		105		BB	

STT	Mã HP	Tên môn học	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Ghi chú
					LT	TH/ TN	ĐA	TT	
2	2GEN0002	Giáo dục thể chất 5 (Physical Education 5)	1	30		30			Không tích lũy
Tổng số tín chỉ tích lũy HK 7			10						
Tổng số tín chỉ HK 7			11						
Tổng cộng tín chỉ tích lũy			127						

10.5. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến chuyên ngành Kế toán Kiểm toán)

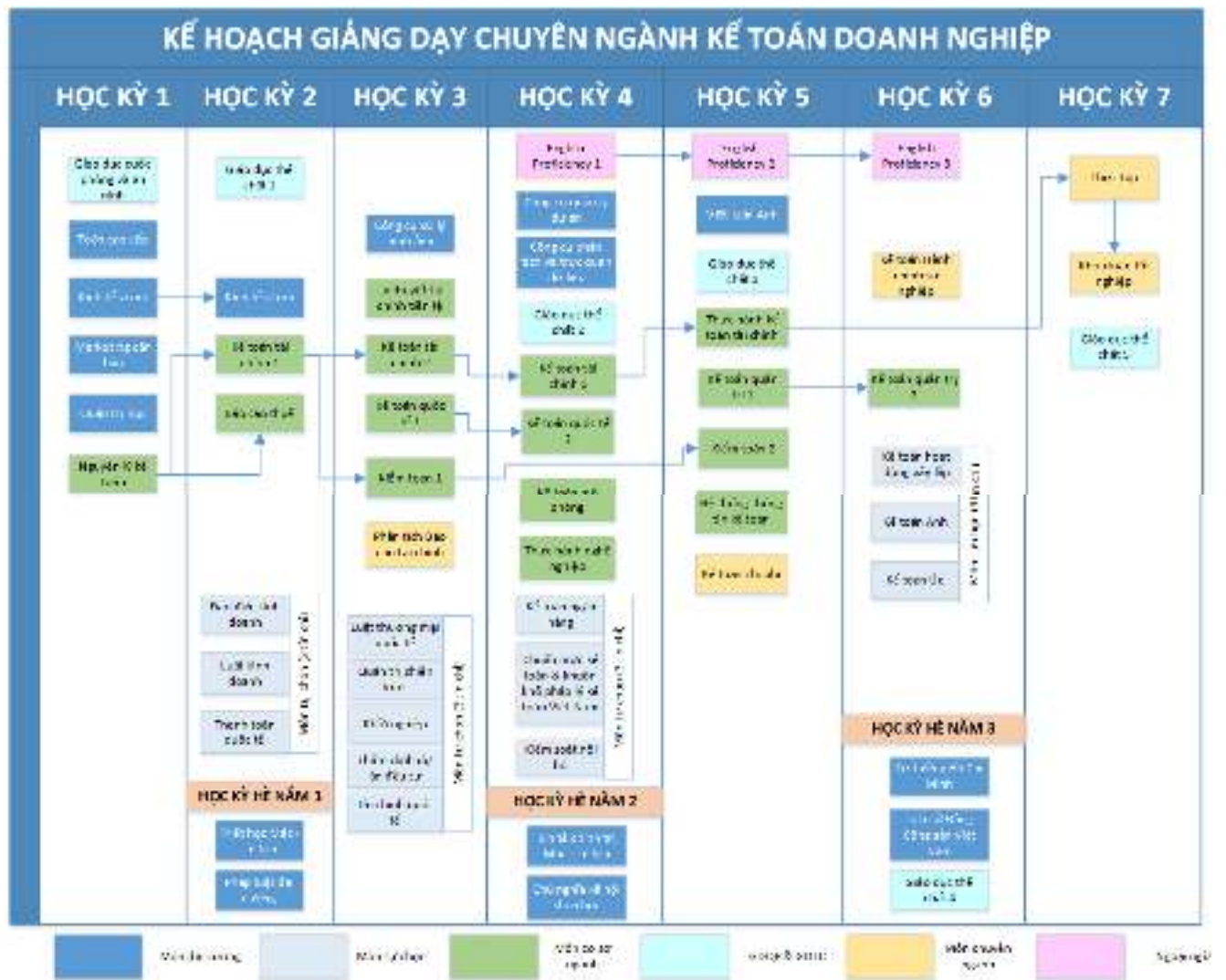
STT	Mã HP	Tên môn học	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Ghi chú
					LT	TH/ TN	ĐA	TT	
Học kỳ 1									
1	2GEN0001	Giáo dục quốc phòng - an ninh (Defense Education - Security Education)	11	165	165				Không tích lũy
2	2SOC11494	Toán cao cấp (Advanced Mathematics)	3	45	45				BB
3	2BUS11407	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	3	45	45				BB
4	2BUS11403	Marketing căn bản (Introduction to Marketing)	3	45	45				BB
5	2BUS11416	Quản trị học (Fundamentals of Management)	3	45	45				BB
6	2ACC1301	Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)	3	45	45				BB
Tổng số tín chỉ tích lũy HK1			15						
Tổng số tín chỉ HK1			26						
Học kỳ 2									
1	2GEN0002	Giáo dục thể chất 1 (Physical Education 1)	1	30		30			Không tích lũy
2	2BUS11408	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	3	45	45				BB
3	2ACC23021	Kế toán tài chính 1 (Financial Accounting 1)	3	45	45				BB
4	2ACC3305	Báo cáo thuế (Tax Reporting)	3	60	30	30			BB
5		Chọn 1 trong các học phần sau	3						Học phần tự chọn 3 tín chỉ
5.1	2BAS5303	Đạo đức trong kinh doanh (Business Ethics)	3	45	45				
5.2	2BAS5304	Luật Kinh doanh (Business Law)	3	45	45				
5.3	2BUS13431	Thanh toán quốc tế (International Payment)	3	45	45				
Học kỳ hè Năm 1									
6	2GEN0011	Triết học Mác- Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism)	3	45	45				BB
7	2GEN0008	Pháp luật đại cương (General Laws)	2	30	30				BB
Tổng số tín chỉ tích lũy HK 2			17						
Tổng số tín chỉ HK 2			18						
Học kỳ 3									

STT	Mã HP	Tên môn học	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Ghi chú
					LT	TH/TN	ĐA	TT	
1	2GEN2096	Công cụ xử lý hình ảnh (Image Processing Tools)	2	45	15	30			BB
2	2BAS3301	Lý thuyết tài chính tiền tệ (Monetary and Financial Theories)	3	45	45				BB
3	2ACC33041	Kế toán tài chính 2 (Financial Accounting 2)	3	45	45				BB
4	2ACC52131	Kế toán quốc tế 1 (International Accounting 1)	2	30	30				BB
5	2ACC33031	Kiểm toán 1 (Auditing 1)	3	45	45				BB
6		Chọn 1 trong các học phần sau	3						Học phần tự chọn 3 tín chỉ
6.1	2BUS14320	Luật thương mại quốc tế (International Trade Law)	3	45	45				
6.2	2BUS13408	Quản trị chiến lược (Strategic Management)	3	45	45				
6.3	2BUS12474	Khởi nghiệp (Entrepreneurship)	3	45	45				
6.4	2BAS6305	Thẩm định dự án đầu tư (Project Appraisal)	3	45	45				
6.5	2BUS12405	Tài chính quốc tế (International Finance)	3	45	45				
Tổng số tín chỉ tích lũy HK 3			16						
Học kỳ 4									
1	2GEN0002	Giáo dục thể chất 2 (Physical Education 2)	1	30		30			Không tích lũy
2	2LAN11453	English Proficiency 1	4	90	30	60			BB
3	2GEN2097	Công cụ quản lý dự án (Project Management Tools)	2	45	15	30			BB
4	2GEN3098	Công cụ phân tích và trực quan dữ liệu (Data Analytics and Visualization Tools)	2	45	15	30			BB
5	2ACC43071	Kế toán tài chính 3 (Financial Accounting 3)	3	45	45				BB
6	2ACC63171	Kế toán quốc tế 2 (International Accounting 2)	3	45	45				BB
7	2ACC73201	Kế toán mô phỏng (Accounting Simulation)	3	60	30	30			BB
8	2ACC6316	Thực hành nghề nghiệp (Professional Practice)	3	75	15	60			BB
9	2ACC4312	Kiểm soát nội bộ (Internal Control)	3	45	45				BB
Học kỳ hè Năm 2									
10	2GEN0012	Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Political Economics of Marxism -Leninism)	2	30	30				BB
11	2GEN0013	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific Socialism)	2	30	30				BB
Tổng số tín chỉ tích lũy HK 4			27						
Tổng số tín chỉ HK 4			28						
Học kỳ 5									
1	2GEN0002	Giáo dục thể chất 3 (Physical Education 3)	1	30		30			Không tích lũy
2	2LAN11454	English Proficiency 2	4	90	30	60			BB
3	2ENG11491	Viết luận Anh (English Composition)	3	45	45				BB

STT	Mã HP	Tên môn học	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Ghi chú
					LT	TH/TN	ĐA	TT	
4	2ACC5216	Thực hành kế toán tài chính (Financial Statement Practice)	2	60		60			BB
5	2ACC43061	Kế toán quản trị 1 (Managerial Accounting 1)	3	45	45				BB
6	2ACC53151	Kiểm toán 2 (Auditing 2)	3	45	45				BB
7	2ACC7323	Hệ thống thông tin kế toán (Accounting Information System)	3	60	30	30			BB
8		Chọn 1 trong các học phần sau	3						Học phần tự chọn 3 tín chỉ
8.1	2ACC4308	Kế toán chi phí (Cost Accounting)	3	45	45				
8.2	2ACC43091	Kiểm toán Nhà nước (State Auditing)	3	45	45				
Tổng số tín chỉ tích lũy HK 5			21						
Tổng số tín chỉ HK 5			22						
Học kỳ 6									
1	2LAN11455	English Proficiency 3	5	90	60	30			BB
2	2ACC7322	Kiểm toán hoạt động (Operational Auditing)	3	60	30	30			BB
3	2ACC6319	Kiểm toán Báo cáo tài chính (Financial Statement Auditing)	3	45	45				BB
4	2ACC73241	Kế toán quản trị 2 (Managerial Accounting 2)	3	45	45				BB
5		Chọn 1 trong các học phần sau	3						Học phần tự chọn 3 tín chỉ
5.1	2ACC7321	Kế toán hành chính sự nghiệp (Public Sector Accounting)	3	60	30	30			
5.2	2ACC7326	Kế toán Anh (British Accounting)	3	45	45				
5.3	2ACC7327	Kế toán Úc (Australian Accounting)	3	45	45				
Học kỳ hè Năm 3									
6	2GEN0007	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Thought)	2	30	30				BB
7	2GEN0014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of The Communist Party of Vietnam)	2	30	30				BB
8	2GEN0002	Giáo dục thể chất 4 (Physical Education 4)	1	30		30			Không tích lũy
Tổng số tín chỉ tích lũy HK 6			21						
Tổng số tín chỉ HK6			22						
Học kỳ 7									
1	2ACC8328	Thực tập (Graduation Internship)	3	45			45		BB
2	2ACC8729	Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Thesis)	7	105		105			BB
3	2GEN0002	Giáo dục thể chất 5 (Physical Education 5)	1	30		30			Không tích lũy
Tổng số tín chỉ tích lũy HK 7			10						
Tổng số tín chỉ HK 7			11						
Tổng cộng tín chỉ tích lũy			127						

11. Sơ đồ chương trình giảng dạy

Chuyên ngành Kế toán Doanh nghiệp



học của chủ nghĩa Mác – Lênin trong việc nghiên cứu và học tập các môn học khác trong chương trình đào tạo cũng như các tri thức khác của nhân loại; trang bị cho sinh viên kiến thức để nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác - Lênin.

13.2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Học phần cung cấp cho sinh viên một cách tương đối hệ thống, có chọn lọc những kiến thức cơ bản của môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Trên cơ sở đó, hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các mối quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước góp phần xây dựng, củng cố lòng tin vào Đảng và chế độ XHCN ở nước ta.

13.3. Chủ nghĩa Xã hội khoa học

Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản, cốt lõi về Chủ nghĩa xã hội khoa học, kết hợp với các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và các môn học khác nhằm giúp sinh viên có nhận thức tổng hợp, toàn diện về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

13.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần trang bị cho người học các kiến thức về: Nguồn gốc và các giai đoạn hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người. Từ đó, giúp cho sinh viên hiểu được những giá trị khoa học, cách mạng, nhân văn trong cuộc đời, sự nghiệp tư tưởng Hồ Chí Minh.

13.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần giúp cho sinh viên nhận thấy rõ Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, Đảng lấy Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động; một đảng phấn đấu vì độc lập, tự do, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

13.6. Pháp luật đại cương

Học phần Pháp luật đại cương giới thiệu các khái niệm, các phạm trù cơ bản về nhà nước và pháp luật dưới góc độ của khoa học pháp lý. Trên cơ sở đó môn học đi vào phân tích: Cấu trúc của bộ máy Nhà nước, chức năng, nhiệm vụ, địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; cơ cấu của hệ thống pháp luật. Từ cách nhìn tổng quát về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam, môn học được dành để nghiên cứu những nội dung cơ bản của Luật Hiến pháp (Luật Nhà nước) với tư cách là ngành luật chủ đạo, Luật hành chính, Luật dân sự, Luật hình sự, Luật lao động, Luật thương mại, Luật doanh nghiệp và các luật về tổ tụng tư pháp, để từ đó người học có thể dễ dàng tự tiếp cận với các ngành luật khác.

13.7. Toán cao cấp

Học phần này dành cho sinh viên chuyên ngành kinh tế và công nghệ, nhằm giới thiệu một số phương pháp toán học cơ bản được sử dụng trong các tài liệu về kinh tế và công nghệ hiện nay. Nội dung môn học cung cấp các công cụ toán học để thiết lập và giải một số mô hình cơ bản trong kinh tế và kỹ thuật. Môn học này cũng cung cấp kiến thức nền tảng cho những sinh viên nào muốn tiếp tục chuyên sâu về ngành phân tích sau này.

13.8. Quản trị học

Học phần Quản trị học sẽ cung cấp kiến thức cơ bản nhất về quản trị trong các tổ chức như: Bản chất của quản trị, lịch sử phát triển của các tư tưởng quản trị, các ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động quản trị, những yêu cầu đối với nhà quản trị, các chức năng cơ bản của quản trị, những vấn đề cơ bản của quản trị hiện đại.

13.9. Kinh tế vi mô

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về kinh tế vi mô như: Những vấn đề cơ bản về kinh tế vi mô, thị trường, cầu và cung, lý thuyết hành vi của người tiêu dùng, lý thuyết về sản xuất và chi phí, lý thuyết cạnh tranh hoàn toàn, lý thuyết độc quyền hoàn toàn, lý thuyết cạnh tranh không hoàn toàn.

13.10. Kinh tế vĩ mô

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về kinh tế vĩ mô như: Khái quát về kinh tế vĩ mô, cách tính sản lượng quốc gia, lý thuyết xác định sản lượng cân bằng quốc gia, chính sách tài khóa và chính sách ngoại thương, tiền tệ ngân hàng và chính

sách tiền tệ, mô hình IS-LM, mô hình tổng cung tổng cầu, lạm phát và thất nghiệp, phân tích vĩ mô trong nền kinh tế mở.

13.11. Marketing căn bản

Học phần được xây dựng gồm có các nguyên lý cơ bản của marketing. Đây là học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành kinh tế. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, khả năng nhận biết, hiểu và bước đầu áp dụng được những nội dung marketing cơ bản vào hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Người học cũng được giới thiệu những kiến thức cơ bản liên quan đến việc thu thập thông tin về thị trường, hiểu được hành vi của khách hàng, thực hiện được hoạt động phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và biết cách triển khai bộ công cụ marketing để phục vụ nhu cầu của khách hàng mục tiêu, đồng thời mang lại lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.

13.12. English Proficiency 1

Học phần trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng các kỹ thuật đọc hiểu, phân tích ý cơ bản và có thể hiểu ý chính các bài đọc ngắn về các chủ đề quen thuộc trong kinh doanh, khả năng viết được các đoạn văn đơn giản với những chủ đề liên quan đến công việc, sở thích. Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.

13.13. English Proficiency 2

Sau khi hoàn thành học phần sinh viên có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm). Sinh viên có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày và mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh cũng như những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.

13.14. English Proficiency 3

Sau khi hoàn thành học phần sinh viên có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường

học, giải trí... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó.

13.15. Công cụ xử lý hình ảnh

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ứng dụng tin học trong quá trình thiết kế sản phẩm đồ họa. Học phần giới thiệu chi tiết các phương pháp ứng dụng phần mềm đồ họa Adobe Photoshop để thiết kế các sản phẩm quảng cáo, logo, các ấn phẩm đồ họa và trình bày một Poster đúng quy cách.

13.16. Công cụ quản lý dự án

Học phần Công cụ quản lý dự án cung cấp cho sinh viên các loại hình công việc khác nhau của một người hoặc một tập thể chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý và triển khai một dự án.

13.17. Công cụ phân tích và trực quan dữ liệu

Học phần Công cụ phân tích và trực quan dữ liệu trang bị cho sinh viên một quy trình phân tích dữ liệu và sử dụng thành thạo một công cụ chuyên đổi và trực quan dữ liệu, từ đó có được các tri thức để có thể ra quyết định hỗ trợ khả năng quản trị doanh nghiệp, dự báo, hoạch định chiến lược phát triển.

13.18. Viết luận Anh

Học phần giúp sinh viên hiểu các cấu trúc, tính năng và cách trình bày của bài luận một cách hiệu quả, cũng như quy trình viết một bài luận hoàn chỉnh. Đồng thời, sinh viên sẽ nghiên cứu cách tổ chức bài luận, các chi tiết cần thiết và các thành phần của bài luận, các điểm ngữ pháp và các chú giải thích hợp thường được sử dụng trong bài luận.

13.19. Nguyên lý kế toán

Học phần Nguyên lý kế toán là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành kế toán, nội dung trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản chung về kế toán, các phương pháp kế toán, quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán, các hình thức sổ kế toán, nội dung và hình thức tổ chức kế toán bao gồm:

- Những vấn đề chung về kế toán.
- Báo cáo kế toán.

- Tài khoản và ghi sổ kép.
- Tính giá các đối tượng kế toán.
- Chứng từ kế toán
- Kế toán hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp
- Sổ kế toán và hình thức kế toán ...

Qua học phần này sinh viên hiểu và có thể giải thích được các đối tượng kế toán, các phương pháp kế toán để thu thập, xử lý, tổng hợp và cung cấp thông tin và một số nội dung kế toán cơ bản trong doanh nghiệp, làm tiền đề và cơ sở để sinh viên bước vào các môn học chuyên ngành kế toán.

13.20. Lý thuyết tài chính tiền tệ

Học phần Lý thuyết tài chính tiền tệ là học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Tiền tệ, tài chính, lạm phát, lãi suất, các loại hình ngân hàng và thị trường tài chính trong nền kinh tế thị trường, bao gồm các nội dung cụ thể:

- Đại cương về tiền tệ và tài chính
- Tổng quan về thị trường tài chính
- Tổng quan về hệ thống tài chính
- Tín dụng
- Hệ thống các ngân hàng
- Tài chính doanh nghiệp
- Ngân sách Nhà Nước
- Tín dụng và lãi suất ...

13.21. Kế toán Tài chính 1

Học phần Kế toán tài chính 1 là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành kế toán trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môi trường pháp lý của kế toán: Luật Kế toán, chuẩn mực, chế độ kế toán, kiến thức về tổ chức công tác kế toán, tổ chức hệ thống chứng từ, sổ sách, trình tự xử lý nghiệp vụ kế toán và trình bày thông tin kế toán đối với các phân hành kế toán bao gồm:

- Kế toán tiền
- Kế toán nợ phải thu và ứng trước

- Kế toán hàng tồn kho
- Kế toán tài sản cố định
- Kế toán nợ phải trả ...

Qua học phần này sinh viên hiểu và có thể giải thích được nội dung thông tin trình bày trên báo cáo tài chính và có khả năng tham mưu, đề xuất cách xử lý các tình huống kế toán phức tạp liên quan đến các đối tượng kế toán nêu trên.

13.22. Kế toán quản trị 1

Học phần Kế toán quản trị 1 là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành kế toán trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán quản trị như khái niệm và nhiệm vụ của kế toán quản trị trong doanh nghiệp, phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận, lập dự toán ngân sách hoạt động hằng năm của doanh nghiệp, ...

Qua học phần này sinh viên hiểu rõ về tầm quan trọng của kế toán quản trị trong doanh nghiệp bên cạnh kế toán tài chính, giúp sinh viên có thêm công cụ hỗ trợ đắc lực nhà quản trị trong việc ra quyết định.

13.23. Kiểm toán 1

Học phần Kiểm toán 1 là học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến kiểm toán như: Bản chất của kiểm toán, môi trường kiểm toán, quy trình kiểm toán bao gồm các nội dung cụ thể:

- Tổng quan về kiểm toán
- Kiểm soát nội bộ
- Chuẩn bị kiểm toán
- Bằng chứng kiểm toán
- Hoàn thành kiểm toán và báo cáo kiểm toán ...

Tham gia học phần sinh viên sẽ có khả năng thực hiện được một số nội dung cơ bản của cuộc kiểm toán như: Đánh giá được rủi ro, các phương pháp thu thập bằng chứng, phân tích tổng thể tình hình doanh nghiệp, hiểu được nội dung của báo cáo kiểm toán, ý kiến kiểm toán.

13.24. Báo cáo thuế

Học phần Báo cáo thuế cung cấp cho sinh viên kiến thức để hiểu biết về hệ thống quản lý thuế, chính sách thuế, phương pháp xác định, kê khai và chấp hành nghĩa vụ nộp các loại thuế theo quy định.

Học phần này bao gồm hai phần lý thuyết và thực hành, đối với phần lý thuyết, kiến thức sinh viên được trang bị bao gồm những hiểu biết về cơ chế quản lý thuế, chi tiết về các loại thuế phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp. Phần thực hành sinh viên sẽ được hướng dẫn về phương pháp lập hồ sơ kê khai thuế, thực hiện được việc kê khai thuế trên phần mềm trên hệ thống của cơ quan quản lý thuế.

13.25. Hệ thống thông tin kế toán

Học phần Hệ thống thông tin kế toán giúp sinh viên có kiến thức về hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp, đồng thời hiểu rõ chức năng và vai trò của hệ thống thông tin kế toán cũng như việc vận dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán.

Học phần này giúp sinh viên hiểu các quy trình kế toán trong doanh nghiệp để vận dụng vào công việc thực tế, thiết lập được quy trình hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp, có khả năng vận dụng kiến thức đã học để vẽ được lưu đồ, chứng từ kế toán trong công ty, cũng như kiểm soát được quy trình.

13.26. Kế toán quản trị 2

Học phần Kế toán quản trị 2 là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành kế toán trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về kế toán quản trị như: Khái niệm về phương sai, định giá, chi phí tăng thêm... Học phần tập trung vào các kỹ thuật phân tích biến động chi phí, định giá sản phẩm, kỹ thuật đánh giá hiệu quả đầu tư, phân tích BCTC nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về các phương pháp cung cấp thông tin và xử lý thông tin hoạt động sản xuất kinh doanh, phục vụ cho việc ra quyết định kinh doanh trong nội bộ doanh nghiệp.

13.27. Kế toán tài chính 2

Học phần Kế toán tài chính 2 là học phần thuộc chuyên ngành kế toán trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu liên quan đến giao dịch ngoại tệ, xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái, ghi nhận và tổng hợp thông tin về giá thành sản phẩm và kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh. Nội dung học phần còn tập trung vào kiến thức về kế toán hoạt

động xây dựng cơ bản bao gồm: Dự toán công trình, quyết toán, nghiệm thu công trình và ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế để theo dõi sự biến động của nguồn vốn chủ sở hữu, phương pháp tính và kê khai các loại thuế.

Qua học phần này, sinh viên nhận thức được vai trò quan trọng của thông tin kế toán liên quan đến các hoạt động nêu trên để tuân thủ các nguyên tắc kế toán, những quy định pháp lý liên quan đến công việc của kế toán.

13.28. Kế toán tài chính 3

Học phần Kế toán tài chính 3 là một học phần của chuyên ngành kế toán, trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu trong các lĩnh vực: Đầu tư tài chính, thanh toán nội bộ trong doanh nghiệp có đơn vị trực thuộc, các hoạt động thuê tài sản, vay, nợ tiềm tàng và dự phòng phải trả phát sinh trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Với kiến thức được trang bị, sinh viên có khả năng phân tích, đánh giá, hạch toán, tổng hợp và cung cấp thông tin trên báo cáo tài chính về các phân hành kế toán:

- Kế toán hoạt động đầu tư tài chính
- Kế toán phải thu phải trả nội bộ
- Kế toán hoạt động thuê tài sản
- Kế toán các khoản nợ vay, nợ tiềm tàng và dự phòng phải trả ...

Tham gia học phần này sinh viên sẽ có kiến thức chuyên sâu, những hiểu biết về môi trường pháp lý đối với hoạt động đầu tư, thuê tài sản và vay nợ nhằm nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp kế toán.

13.29. Thực hành kế toán tài chính

Học phần Thực hành kế toán tài chính cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng để thực hiện một chu trình kế toán hoàn chỉnh tại một doanh nghiệp giả định bao gồm: (1) Thực hiện, giải thích và phân biệt, kiểm tra được số liệu các bước trong một chu trình kế toán hoàn chỉnh: Lập chứng từ kế toán, mở sổ, ghi sổ, khóa sổ và lập Báo cáo tài chính, làm cơ sở cho việc thiết lập một chu trình kế toán hoàn chỉnh để áp dụng trong công tác thực tế kế toán sau khi sinh viên tốt nghiệp.

13.30. Kế toán Hành chính sự nghiệp

Học phần Kế toán Hành chính sự nghiệp trang bị cho sinh viên kiến thức về kế toán áp dụng tại các đơn vị Hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức chính trị, xã hội có sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước (NSNN) và không sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước.

Qua học phần này sinh viên hiểu được mô hình tổ chức của các đơn vị thuộc khu vực công, hiểu quy trình lập, sử dụng, quyết toán ngân sách. Sinh viên được trang bị kiến thức để ghi nhận, theo dõi kết quả của các hoạt động phát sinh trong đơn vị bao gồm: Hoạt động thu chi NSNN, hoạt động thu phí, lệ phí, hoạt động, vay viện trợ, hoạt động SXKD.

Sinh viên hiểu được những quy định pháp lý đối với kế toán đơn vị HCSN, hiểu và có thể tổ chức thực hiện được quy trình kế toán kiểm soát được các hoạt động trong đơn vị HCSN.

13.31. Kế toán chi phí

Học phần Kế toán chi phí là học phần thuộc chuyên ngành kế toán, trang bị cho sinh viên kiến thức liên quan đến việc phân loại chi phí, dự đoán chi phí, tập hợp chi phí, đánh giá sản phẩm dở dang, tính giá thành sản phẩm theo từng đặc điểm quy trình công nghệ và theo các hoạt động sản xuất. Với kiến thức thu được của học phần này, sinh viên biết nhận dạng và áp dụng phương pháp kế toán phù hợp nhằm xác định chính xác giá thành sản phẩm phục vụ cho các quyết định của nhà quản trị doanh nghiệp.

Qua học phần, sinh viên nhận thức được vai trò quan trọng của thông tin chi phí, giá thành sản phẩm, nghiêm túc tuân thủ các nguyên tắc kế toán và quy định pháp lý khi thực hiện nhiệm vụ.

13.32. Kiểm toán 2

Học phần Kiểm toán 2 là học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về: Nội dung, đặc điểm, kiểm soát nội bộ và quy trình kiểm toán về vốn bằng tiền, nợ phải thu và nghiệp vụ bán hàng, hàng tồn kho và giá vốn hàng bán, tài sản cố định và chi phí khấu hao, Kiểm toán nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu, kiểm toán thu nhập và chi phí bao gồm các nội dung cụ thể:

- Kiểm toán tiền
- Kiểm toán nợ phải thu khách hàng

- Kiểm toán hàng tồn kho và giá vốn hàng bán
- Kiểm toán tài sản cố định và chi phí khấu hao
- Kiểm toán nợ phải trả và vốn chủ sở hữu
- Kiểm toán thu nhập và chi phí ...

13.33. Phân tích Báo cáo tài chính

Học phần Phân tích báo cáo tài chính (BCTC) là học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức có tính chất tổng hợp, vận dụng các công cụ phân tích kinh tế để phân tích và đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp dựa trên thông tin của báo cáo tài chính nhằm cung cấp cho các đối tượng sử dụng các thông tin cần thiết trong việc ra các quyết định, bao gồm các nội dung cụ thể:

- Tổng quan về báo cáo tài chính
- Các phương pháp sử dụng phân tích BCTC
- Phân tích cấu trúc tài chính và tình hình đảm bảo vốn
- Phân tích tình hình và khả năng thanh toán
- Phân tích hiệu quả kinh doanh
- Phân tích báo cáo lưu chuyển tiền tệ ...

13.34. Kế toán quốc tế 1

Học phần Kế toán quốc tế 1 là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành kế toán trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan nhất về kế toán quốc tế như báo cáo tài chính và các chỉ số, kế toán thuế, kiểm toán, kế toán quản trị và đầu tư.

Qua học phần này sinh viên có được những kiến thức và từ vựng tiếng cơ bản về kế toán quốc tế liên quan các vấn đề tổng quan nhất, làm nền tảng để học tiếp các học phần kế toán quốc tế khác hoặc các môn chuyên ngành giảng dạy bằng tiếng anh.

13.35. Kế toán quốc tế 2

Học phần Kế toán quốc tế 2 là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành kế toán trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về kế toán tài chính theo thông lệ quốc tế như môi trường kế toán, mô hình kế toán, quá trình kế toán, trình tự xử lý nghiệp vụ kế toán và trình bày thông tin kế toán đối với một số phần hành kế toán bao gồm:

- Kế toán tiền

- Kế toán hàng tồn kho
- Kế toán bán hàng
- Kế toán các khoản phải thu
- Kế toán tài sản cố định ...

Qua học phần này sinh viên có được những kiến thức cơ bản về kế toán quốc tế, báo cáo kế toán bằng tiếng Anh, nhận diện các điểm giống và khác so với kế toán Việt Nam, có các kỹ năng ghi nhận và xử lý các nghiệp vụ cũng như lập BCTC theo thông lệ quốc tế.

13.36. Kế toán mô phỏng

Học phần Kế toán mô phỏng (phần mềm Misa) giúp cho sinh viên có kiến thức tổng quan chung về phần mềm kế toán, cách thức và phương pháp hoạt động của các phần mềm, tính ưu việt của phần mềm kế toán so với kế toán thủ công, hiểu được các chu trình hoạt động của các phần hành kế toán trong doanh nghiệp, hiểu biết và giải thích được chứng từ kết xuất từ các chu trình kế toán và báo cáo tài chính, có khả năng kiểm soát hệ thống.

Qua học phần này giúp sinh viên hiểu các nguyên tắc hạch toán chung, các quy trình trong phần mềm và thực hành trên mỗi quy trình đó. Hướng dẫn sinh viên nhập các dữ liệu kế toán đầu vào, xử lý và kết xuất dữ liệu đầu ra.

13.37. Thực hành nghề nghiệp

Học phần Thực hành nghề nghiệp trang bị cho sinh viên khả năng hiểu biết về tổ chức công tác kế toán tại đơn vị cụ thể thông qua việc tìm hiểu về cơ cấu bộ máy quản lý, cơ cấu bộ máy kế toán, cách thức phân chia nhiệm vụ cho các nhân viên kế toán tại đơn vị cụ thể. Tham gia học phần sinh viên hiểu được vai trò của mỗi nhân viên kế toán và trình tự đối chiếu giữa các nhân viên để tổng hợp số liệu.

Qua học phần này sinh viên hiểu vai trò và nhiệm vụ của mỗi nhân viên kế toán trong mỗi phần hành kế toán. Với kiến thức thu thập được sinh viên có khả năng phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp giúp hoàn thiện hệ thống kế toán tại đơn vị theo mỗi phần hành công việc.

13.38. Đạo đức kinh doanh

Học phần Đạo đức trong kinh doanh là học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về: Khái niệm, quan điểm mang tính lý thuyết về đạo đức trong kinh doanh thông qua

giới thiệu cách tiếp cận và nhận diện những vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ kinh doanh, hiểu rõ vai trò, sự cần thiết, chuẩn mực và cách xây dựng đạo đức kinh doanh trong điều kiện hội nhập quốc tế như hiện nay, bao gồm các nội dung cụ thể:

- Một số vấn đề chung về đạo đức kinh doanh
- Triết lý đạo đức trong kinh doanh và nghĩa vụ trong trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp
- Các khía cạnh thể hiện của đạo đức kinh doanh
- Xây dựng đạo đức kinh doanh trong doanh nghiệp
- Môi trường kinh doanh thay đổi, các vấn đề đạo đức kinh doanh toàn cầu ...

13.39. Luật Kinh doanh

Học phần Luật kinh doanh giúp cho sinh viên có những kiến thức về luật kinh doanh mà trong đó chi tiết các luật như: Luật đầu tư, luật cạnh tranh, luật phá sản, luật sở hữu trí tuệ và luật lao động để vận dụng vào trong các hoạt động của doanh nghiệp.

Học phần này giúp sinh viên có khả năng thu thập, nhận định, tư duy, phân tích đưa ra các giải pháp phù hợp giúp doanh nghiệp hạn chế được các rủi ro liên quan đến Luật kinh doanh, góp phần vào sự phát triển ổn định.

13.40. Luật Thương mại quốc tế

Học phần Luật thương mại quốc tế cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật thương mại quốc tế, những điều chỉnh trong nước cũng như quốc tế về những hoạt động thương mại mang tính quốc tế, cùng với các môn khác được đào tạo trong chuyên ngành, học phần luật thương mại quốc tế giúp sinh viên người học có được kiến thức toàn diện nhất để giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế.

13.41. Thanh toán quốc tế

Học phần nghiên cứu những nội dung bao gồm:

- Cơ sở của việc thanh toán quốc tế: Phương tiện thanh toán quốc tế và bộ chứng từ trong thanh toán quốc tế.
- Phương thức thanh toán quốc tế: Phương thức chuyển tiền, phương thức nhờ thu, phương thức tín dụng chứng từ và các phương thức thanh toán quốc tế khác...

Tham gia học phần này sinh viên sẽ có kiến thức về thanh toán quốc tế như: Cơ sở hình thành và cơ sở pháp lý làm nền tảng cho hoạt động thanh toán quốc tế và những điều kiện thanh toán quốc tế trong hợp đồng ngoại thương, hiểu được tổng quan về phương thức thanh toán, hiểu và ứng dụng được trong thực tế những phương tiện thanh toán quốc tế, kiểm tra và lập được bộ chứng từ thương mại sử dụng trong thanh toán quốc tế, có khả năng xử lý các tình huống phát sinh trong thanh toán quốc tế...

13.42. Quản trị chiến lược

Học phần Quản trị chiến lược cung cấp cho người học kiến thức lý thuyết chung, chuyên ngành cơ bản về quản trị chiến lược hiện đang áp dụng trên thế giới và hướng đến năng lực học tập suốt đời. Sinh viên có khả năng sáng tạo đối với các công cụ, kỹ thuật qua việc hoạch định, thực hiện và kiểm soát chiến lược phù hợp với từng loại hình tổ chức. Sinh viên có thể sử dụng hiệu quả phương pháp phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin khoa học và tiên tiến; vận dụng các hệ thống quản lý phù hợp với quản trị chiến lược từng loại hình tổ chức trong bối cảnh luôn thay đổi.

13.43. Khởi nghiệp

Học phần Khởi nghiệp cung cấp những kiến thức nhằm giúp người học biết cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một doanh nghiệp mới. Môn học cũng đồng thời trang bị những kỹ năng để người học có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh. Ngoài ra môn học còn nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp. Đây là môn học sử dụng kiến thức tổng hợp từ nhiều môn như Quản trị điều hành, Quản trị tài chính, Quản trị marketing... do đó để có thể học môn này dễ dàng hơn người học nên học trước các môn về Quản trị.

13.44. Thẩm định dự án đầu tư

Học phần Thẩm định dự án đầu tư là học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về nội dung, cách thức và quy trình để tiến hành lập và thẩm định dự án đầu tư kinh doanh,

nhờ đó có sự chuẩn bị tốt trước khi quyết định đầu tư nhằm giảm rủi ro khởi nghiệp. Thẩm định là một khâu quan trọng trong công tác chuẩn bị đầu tư, bao gồm các nội dung cụ thể:

- Tổng quan về đầu tư và dự án đầu tư
- Phương pháp lập dự án đầu tư
- Phân tích tổng quát tình hình kinh tế - xã hội và thị trường của dự án
- Phân tích kỹ thuật và tổ chức nhân lực của dự án
- Phân tích tài chính của dự án đầu tư
- Phân tích lợi ích kinh tế - xã hội của dự án đầu tư
- Phân tích độ nhạy và rủi ro của dự án đầu tư
- Thẩm định dự án đầu tư ...

13.45. Tài chính quốc tế

Học phần Tài chính quốc tế cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng và kỹ năng nghiên cứu cơ bản về lĩnh vực tài chính quốc tế theo hướng tiếp cận phân tích kinh tế. Cấu trúc môn học gồm 3 phần chính. Phần I khảo sát khung cảnh và cấu trúc môi trường tiền tệ và tài chính toàn cầu. Phần II làm rõ và nhấn mạnh mối liên kết chặt chẽ và tương tác liên tục giữa các thị trường và nền kinh tế các nước thông qua các lý thuyết về quan hệ ngang bằng quốc tế giữa giá cả, lãi suất và tỷ giá. Phần III bao hàm các khía cạnh nghiên cứu chuyên sâu về sự vận động của tỷ giá và tác động của nó đến các lĩnh vực hoạt động kinh tế ngày nay.

13.46. Kế toán Ngân hàng

Học phần Kế toán Ngân hàng là học phần đề cập đến những kiến thức kế toán cơ bản để thực hiện kế toán trong lĩnh vực ngân hàng thương mại. Qua học phần này, sinh viên có thể hiểu và thực hiện các nghiệp vụ, phương pháp, trình tự hạch toán đối với các phần hành kế toán về tài sản Có và tài sản Nợ trong ngân hàng, biết phân loại, định khoản các đối tượng kế toán liên quan đến quá trình tập hợp chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Tham gia học phần này, sinh viên có thể tự tin đảm trách được một số vị trí kế toán tại các ngân hàng thương mại, có khả năng phân tích, đánh giá đề xuất các giải pháp khả thi trong lĩnh vực kế toán ngân hàng.

13.47. Kế toán hoạt động xây lắp

Học phần Kế toán hoạt động xây lắp là học phần chuyên ngành sâu của ngành kế toán trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng để có khả năng thực hiện được nhiệm vụ kế toán tại doanh nghiệp xây lắp bao gồm: Kế toán các phần hành cơ bản (Kế toán tiền, kế toán nguyên vật liệu, kế toán tài sản cố định, kế toán lương) và các phần hành chuyên sâu bao gồm: Kế toán tính giá thành cho các công trình xây lắp, kế toán hợp đồng xây dựng, bàn giao công trình và dự phòng chi phí bảo hành cho công trình, kế toán xác định kết quả kinh doanh của sản phẩm xây lắp và phương pháp lập báo cáo tài chính tại doanh nghiệp xây lắp.

Tham gia học phần này, sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức để tổ chức kế toán cho doanh nghiệp xây lắp, hiểu biết về nguyên tắc kế toán và những quy định pháp lý liên quan đến hoạt động xây lắp.

13.48. Kế toán Anh

Học phần Kế toán Anh là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành kế toán trang bị cho sinh những kiến thức và hiểu biết cơ bản về nguyên tắc cơ bản, khái niệm và các quy trình liên quan đến lập báo cáo tài chính theo kế toán Anh bao gồm các phần hành như:

- Phương trình kế toán
- Ghi chép các giao dịch tài chính
- Kế toán sổ cái và bút toán kép
- Lập Báo cáo tài chính cơ bản
- Giá vốn hàng bán và hàng tồn kho
- Các khoản nợ không có khả năng thu hồi và dự phòng các khoản phải thu
- Dồn tích và thanh toán trước
- Tài sản dài hạn và khấu hao ...

Qua học phần này sinh viên có được những kiến thức cơ bản về kế toán Anh, báo cáo kế toán bằng tiếng Anh, nhận diện các điểm giống và khác so với kế toán Việt Nam, có các kỹ năng ghi nhận và xử lý các nghiệp vụ cũng như lập BCTC theo Kế Toán Anh.

13.49. Kế toán Úc

Học phần Kế toán Úc là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành kế toán trang bị cho sinh những kiến thức và hiểu biết cơ bản về nguyên tắc cơ bản, khái niệm và các quy trình liên quan đến lập báo cáo tài chính theo kế toán Úc bao gồm các phần hành như:

- Ghi chép các giao dịch kinh doanh
- Quá trình điều chỉnh
- Hoàn tất chu trình kế toán
- Hoạt động mua hàng
- Hàng tồn kho
- Kiểm soát nội bộ và tiền
- Các khoản phải thu
- Tài sản dài hạn và tài sản vô hình
- Nợ ngắn hạn và lương ...

Qua học phần này sinh viên có được những kiến thức cơ bản về kế toán Úc, báo cáo kế toán bằng tiếng Anh, nhận diện các điểm giống và khác so với kế toán Việt Nam, có các kỹ năng ghi nhận và xử lý các nghiệp vụ cũng như lập BCTC theo Kế Toán Úc.

13.50. Chuẩn mực kế toán & khuôn khổ pháp lý kế toán Việt Nam

Học phần này bao gồm 2 nội dung chính:

(1) Chuẩn mực kế toán trang bị cho sinh viên kiến thức về những tình huống và cách xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chuẩn mực kế toán thuộc các khoản mục kế toán liên quan như: Kế toán hàng tồn kho, kế toán tài sản cố định, các khoản đầu tư, doanh thu – chi phí, trình bày BCTC, ... Qua đó, sinh viên có cái nhìn tổng quan về các chuẩn mực và tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp

(2) Khuôn khổ pháp lý kế toán Việt Nam trang bị những kiến thức cơ bản về cơ sở pháp lý của kế toán Việt Nam bao gồm các quy định liên quan đến công tác kế toán, người làm kế toán và những quy định xử lý vi phạm pháp luật về kế toán. Qua học phần này sinh viên hiểu biết và có ý thức tuân thủ các quy định pháp lý khi thực hiện nhiệm vụ kế toán tại doanh nghiệp.

13.51. Kiểm soát nội bộ

Học phần Kiểm soát nội bộ cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu để hiểu biết về cấu trúc của hệ thống kiểm soát nội bộ trong đơn vị, hiểu được hoạt động kiểm soát nội bộ theo từng chu trình nghiệp vụ. Qua học phần này sinh viên được trang bị kỹ năng về nhận diện rủi ro, gian lận, đánh giá mức độ sai phạm, đề xuất các giải pháp ngăn chặn sai phạm. Tham gia học phần này sinh viên có khả năng thiết kế, vận hành và đánh giá các chính sách và quy trình kinh doanh cụ thể như bán hàng thu tiền, mua hàng trả tiền, tiền lương và có khả năng nghiên cứu chuyên sâu để đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

Học phần này giúp sinh viên hiểu và vận dụng được kiến thức để phát hiện rủi ro gian lận và có khả năng tham mưu, đề xuất các giải pháp để kiểm soát ngăn ngừa gian lận thất thoát tài sản của đơn vị.

13.52. Kiểm toán hoạt động

Học phần Kiểm toán hoạt động là học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về kiểm toán hoạt động, các khái niệm, đặc điểm, phạm vi và quy trình kiểm toán hoạt động. Học phần này cũng trang bị cho sinh viên kiến thức về kiểm toán hoạt động trong kiểm toán nội bộ bao gồm các nội dung cụ thể:

- Tổng quan về kiểm toán hoạt động
- Lập kế hoạch kiểm toán
- Thực hiện kiểm toán
- Xử lý các phát hiện kiểm toán
- Báo cáo kiểm toán
- Kiểm toán hoạt động trong kiểm toán nội bộ ...

13.53. Kiểm toán Báo cáo tài chính

Học phần Kiểm toán báo cáo tài chính là học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về: Tổng quan về hồ sơ kiểm toán, các bước lập kế hoạch kiểm toán, chuẩn mực kiểm toán liên quan đến báo cáo tài chính, trách nhiệm của kiểm toán viên độc lập và báo cáo kiểm toán. Học phần Kiểm toán báo cáo tài chính bao gồm các nội dung cụ thể:

- Tổng quan về hồ sơ kiểm toán
- Trách nhiệm của kiểm toán viên

- Lập kế hoạch kiểm toán
- Chuẩn mực kiểm toán về báo cáo tài chính
- Kiểm toán báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Lập báo cáo kiểm toán ...

Tham gia học phần này sinh viên có khả năng thực hiện những kỹ thuật kiểm toán cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp làm cơ sở cho ý kiến của kiểm toán viên trên báo cáo kiểm toán, có kỹ năng phối hợp công việc giữa các thành viên nhóm kiểm toán, giữa các nhóm kiểm toán và các công ty kiểm toán trong quá trình cung cấp dịch vụ đảm bảo cho khách hàng.

13.54. Kiểm toán Nhà nước

Học phần Kiểm toán Nhà nước là học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về các khái niệm, bản chất và sự cần thiết của kiểm toán nhà nước, kiểm toán viên nhà nước, chuẩn mực kiểm toán nhà nước, sinh viên có thể nắm bắt được các quy trình kiểm toán ngân sách nhà nước, quy trình kiểm toán doanh nghiệp nhà nước, quy trình kiểm toán dự án đầu tư có vốn nhà nước, các khiếu nại và giải quyết khiếu nại. Học phần này cũng trang bị cho sinh viên kiến thức về kiểm toán nhà nước bao gồm các nội dung cụ thể:

- Tổng quan về kiểm toán nhà nước
- Thủ tục, quy trình của kiểm toán nhà nước
- Quy trình kiểm toán ngân sách nhà nước
- Quy trình kiểm toán báo cáo quyết toán dự án đầu tư xây dựng nhà nước
- Quy trình kiểm toán doanh nghiệp nhà nước
- Giải quyết khiếu nại của đơn vị được kiểm toán ...

13.55. Thực tập tốt nghiệp

Học phần Thực tập tốt nghiệp trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan và kiến thức thực tế về lập và trình bày báo cáo tài chính tại doanh nghiệp. Tham gia học phần này sinh viên có điều kiện tiếp cận thực tế hiểu biết quy trình lập báo cáo tài chính tại doanh nghiệp, trên cơ sở đó, sinh viên so sánh với lý thuyết đánh giá những ưu nhược điểm của quá trình thực hiện và đề ra giải pháp giúp công ty hoàn thiện quy trình lập BCTC. Tham gia học phần sinh viên có khả năng tổ chức quy trình theo dõi tổng hợp và lập BCTC, biết thực

hiện các bút toán điều chỉnh trước khi lập báo cáo tài chính, có khả năng xử lý những sự kiện phát sinh trong thực tế sau khi lập BCTC năm, điều chỉnh chính sách kế toán, ước tính kế toán cũng như những sai sót kế toán phát hiện được, biết cách trình bày, giải thích những thông tin đã điều chỉnh nhằm cung cấp cho người sử dụng BCTC những hiểu biết về thông tin đã cung cấp.

13.56. Khóa luận tốt nghiệp

Học phần Khóa luận tốt nghiệp trang bị cho sinh viên khả năng phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến kế toán tài chính hoặc kế toán quản trị hoặc kiểm toán hoặc hệ thống thông tin kế toán. Theo đó, sinh viên có thể chọn đề tài theo từng chuyên ngành cụ thể để nghiên cứu chuyên sâu. Tham gia học phần này sinh viên đánh giá được nội dung nghiên cứu trong thực tế doanh nghiệp đã làm so sánh với thực tế, nhận định và đánh giá thông tin để đề ra giải pháp tích cực giúp công ty hoàn thiện nội dung nghiên cứu.

13.57. Giáo dục thể chất

Học phần Giáo dục thể chất trang bị cho sinh viên những kiến thức về lĩnh vực giáo dục thể chất, những kiến thức thể dục thể thao, kiến thức về nội dung thể dục, điền kinh (tác dụng của thể dục đối với việc rèn luyện thân thể, chạy cự ly trung bình), kiến thức về rèn luyện thân thể.

13.58. Giáo dục quốc phòng – an ninh

Học phần Giáo dục quốc phòng – an ninh cung cấp một số nội dung cơ bản về đường lối quân sự của Đảng, công tác quốc phòng, an ninh, quân sự chung, tổ chức quân, binh chủng...

Lưu ý: Đóng kèm toàn bộ đề cương các môn học trong CTĐT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG NGÀNH

TS. CAO THỊ CẨM VÂN